

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24 / 7 / 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 346/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 189/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số A, tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà K và ông B kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 10/8/2005. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 09/9/1995; Nguyễn

Trung T, sinh ngày 20/5/1997 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 16/8/2001. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung hơn 06 tháng nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông B; bà K đồng ý để ông B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn L1, bà K không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu L và cháu T do các cháu đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01 ngày 10/8/2005, các giấy khai sinh của Nguyễn Văn L, sinh ngày 09/9/1995; Nguyễn Trung T, sinh ngày 20/5/1997 và Nguyễn Văn L1 sinh ngày 16/8/2001 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 31/5/2019 do cán bộ Tòa án lập, cháu Nguyễn Văn L1 có nguyện vọng sống với ông B trong trường hợp bà K, ông B ly hôn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Bà K trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bên cạnh đó, bà K còn khai, trong thời gian chung sống, ông B đã nhiều lần đánh bà K, có lần bà K phải nhập viện. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến tháng 10/2018, bà K, ông B cùng con chung đến thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Khi đó, ông B còn có 02 lần đánh bà K khi bà K đề nghị được đi làm việc. Từ ngày 18/6/2019 đến ngày 01/7/2019, mỗi ngày ông B đều đến nhà cha mẹ của bà K tìm bà K. Khi bà K không chịu gặp thì ông B chửi và đe dọa bà K.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà K xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ông B trình bày thống nhất với ý kiến của bà K về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, cách nay khoảng 10 năm, ông B có đánh bà K khoảng 5-7 lần, trong đó, có lần cách nay khoảng 07 năm, ông B đánh bà phải nhập viện. Trong khoảng thời gian sinh sống, làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, ông B có đánh bà K 02 lần do ông B không đồng ý để bà K làm thuê nhưng bà K không nghe. Do bà K cương quyết ly hôn nên ông B chấp nhận yêu cầu của bà K; chấp nhận tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu L

và cháu T do các cháu đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà K cho rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ khoảng tháng 10/2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà K yêu cầu ly hôn với ông B. Tại phiên tòa, ông B xác định, do bà K không còn tình cảm nên ông B thống nhất ly hôn. Cho nên, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa bà K và ông B.

Về con chung, do các cháu L, T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L1, ông B và bà K thống nhất để ông B tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 là phù hợp với nguyện vọng của cháu nên đề nghị giao cháu L1 cho ông B nuôi dưỡng; bà K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thúy K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Đồng thời, ông B cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà K và ông B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà K, ông B là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà K xác định, trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Ông B đã nhiều lần đánh bà K, có lần bà K phải nhập viện. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông B.

Tại phiên tòa, ông B xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông B, bà K có phát sinh mâu thuẫn như bà K trình bày và chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K.

Xét thấy, việc bà K, ông B tự nguyện thuận tình ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông B, bà K có sinh 03 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 09/9/1995; Nguyễn Trung T, sinh ngày 20/5/1997 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 16/8/2001.

Do cháu L, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với cháu L1, từ khi bà K, ông B không còn sống chung, ông B trực tiếp nuôi dạy cháu L. Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 31/5/2019 do cán bộ Tòa án lập, cháu L1 có nguyện vọng sống với ông B trong trường hợp bà K, ông B ly hôn. Đồng thời, bà K chấp nhận giao cháu L cho ông B nuôi dạy. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu L1, giúp cháu L1 phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu L1 cho ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông B không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K, ông B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy K.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Nguyễn Văn B.

Giấy chứng nhận kết số 151, quyển số 01 ngày 10/8/2005 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Nguyễn Văn B không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

- Ông Nguyễn Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn L1 sinh ngày 16 tháng 8 năm 2001. Bà Nguyễn Thị Thúy K không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Văn B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Thúy K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Do các cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 09/9/1995 và Nguyễn Trung T, sinh ngày 20/5/1997 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền án phí số TU/2016/0012885 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 4 năm 2019; bà Nguyễn Thị Thúy K đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Thúy K, ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã L (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình